

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 - 5
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.465.261.526.227	1.185.526.562.754
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	82.840.883.106	463.299.096.059
1. Tiền	111		32.840.883.106	15.899.096.059
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	447.400.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		45.254.179.400	60.777.426.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	93.752.100.688	104.272.860.688
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(48.497.921.288)	(43.495.434.688)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		442.951.530.072	418.018.212.658
1. Phải thu khách hàng	131		138.314.513.878	56.148.639.611
2. Trả trước cho người bán	132		284.714.270.731	348.329.654.504
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	20.989.075.477	14.606.748.557
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.066.330.014)	(1.066.830.014)
IV. Hàng tồn kho	140		709.498.143.387	149.241.128.157
1. Hàng tồn kho	141	V.5	709.677.852.801	149.420.837.571
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(179.709.414)	(179.709.414)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		184.716.790.262	94.190.699.880
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.498.139.267	23.598.682.755
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.224.124.944	748.177.956
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	180.994.526.051	69.843.839.169

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		357.574.794.633	364.352.970.607
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.539.175.762	7.539.175.762
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		7.539.175.762	7.539.175.762
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		237.419.192.776	233.868.521.921
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	205.965.256.448	210.820.503.318
<i>Nguyên giá</i>	222		1.134.982.410.245	1.119.396.771.271
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(929.017.153.797)	(908.576.267.953)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.517.375.721	1.716.191.040
<i>Nguyên giá</i>	228		6.315.199.921	6.192.349.921
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.797.824.200)	(4.476.158.881)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	29.936.560.607	21.331.827.563
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		101.383.758.226	113.044.986.379
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	40.133.016.574	39.970.649.527
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	73.558.090.862	85.381.686.062
Dự phòng giảm giá đầu tư tài				
chính dài hạn	259	V.15	(12.307.349.210)	(12.307.349.210)
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.214.945.278	8.813.626.545
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	7.070.908.878	7.412.803.628
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		2.144.036.400	1.400.822.917
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		2.017.722.591	1.086.660.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.822.836.320.860	1.549.879.533.361

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		628.346.823.155	359.352.091.130
I. Nợ ngắn hạn	310		546.930.013.250	292.734.183.709
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	157.058.643.228	59.225.626.141
2. Phải trả người bán	312		181.708.309.518	77.574.488.437
3. Người mua trả tiền trước	313		31.946.297.821	39.252.162.003
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	55.798.679.899	54.194.241.281
5. Phải trả người lao động	315		39.207.690.086	21.804.696.407
6. Chi phí phải trả	316	V.19	14.982.697.148	2.727.733.459
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	49.090.753.554	19.674.207.879
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		17.136.941.996	18.281.028.102
12. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
II. Nợ dài hạn	330		81.416.809.905	66.617.907.421
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.21	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	5.942.111.391	5.942.111.391
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.23	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	1.796.197.738	1.654.594.776
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		73.678.500.776	59.021.201.254
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.181.025.983.795	1.174.870.123.744
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.177.059.215.218	1.170.855.106.716
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	400.000.000.000	400.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	280.426.411.784	280.426.411.784
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(105.600.000)	(105.600.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	127.526.073.005	127.828.935.642
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	27.202.975.607	27.209.004.541
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25	291.530.458	291.530.458
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	341.717.824.364	335.204.824.291
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.966.768.577	4.015.017.028
2. Nguồn kinh phí	432	V.27	3.469.907.114	3.469.907.114
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	V.28	496.861.463	545.109.914
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		13.463.513.910	15.657.318.487
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.822.836.320.860	1.549.879.533.361

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		79.119.904.762	94.012.857.143
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		610.503.034	610.503.034
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		-	-
Euro (EUR)		9.102.796,94	3.650.186,81
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Lê Trung Kiên

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 16 tháng 05 năm 2011

P. Tổng Giám đốc



Lê Thanh Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I - Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I Năm nay	Quý I Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	438.743.529.941	320.093.452.521	438.743.529.941	320.093.452.521
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	17.850.000	-	17.850.000	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	438.725.679.941	320.093.452.521	438.725.679.941	320.093.452.521
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	288.811.525.323	205.241.285.874	288.811.525.323	205.241.285.874
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		149.914.154.618	114.852.166.647	149.914.154.618	114.852.166.647
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.603.465.926	6.121.195.554	15.603.465.926	6.121.195.554
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.731.604.010	4.370.563.784	5.731.604.010	4.370.563.784
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.367.800.360	2.485.534.173	4.367.800.360	2.485.534.173
7. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5.010.516.421	5.961.332.342	5.010.516.421	5.961.332.342
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	27.272.108.270	19.356.534.015	27.272.108.270	19.356.534.015
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		127.503.391.843	91.284.932.060	127.503.391.843	91.284.932.060
10. Thu nhập khác	31	VI.7	58.436.542	154.198.068	58.436.542	154.198.068
11. Chi phí khác	32	VI.8	218.902.369	63.249.966	218.902.369	63.249.966
12. Lợi nhuận khác	40		(160.465.827)	90.948.102	(160.465.827)	90.948.102
13. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	41		(934.434.254)	(435.761.331)	(934.434.254)	(435.761.331)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		126.408.491.762	90.940.118.831	126.408.491.762	90.940.118.831
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		33.305.072.842	22.810.758.348	33.305.072.842	22.810.758.348
16. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(2.144.036.400)	-	(2.144.036.400)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		95.247.455.320	68.129.360.483	95.247.455.320	68.129.360.483
18. Lợi ích cổ đông thiểu số	70		167.375.442	148.066.514	167.375.442	148.066.514
19. Lợi ích của Công ty	80		95.080.079.878	67.981.293.969	95.080.079.878	67.981.293.969

Người lập biểu



Lê Trung Kiên

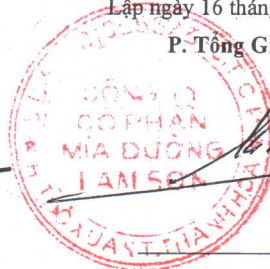
Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 16 tháng 05 năm 2011

P. Tổng Giám đốc



Lê Thanh Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 - 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1-2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		126.408.491.762	394.084.353.943
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		20.556.463.597	42.337.986.346
- Các khoản dự phòng	03		5.144.089.562	9.686.278.861
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	6.418.892.406
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.500.000.000)	(41.512.033.494)
- Chi phí lãi vay	06		4.367.800.360	10.052.560.689
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		148.976.845.281	421.068.038.751
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.933.317.414)	(129.990.580.294)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(560.257.015.230)	(24.930.605.470)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		157.542.748.563	94.949.765.142
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(94.978.622.833)	(84.129.885.935)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.312.688.019)	(9.607.792.605)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(26.906.207.023)	(99.973.611.037)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.625.395.458	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(401.288.376)	(23.258.987.286)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(398.644.149.593)	144.126.341.266
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(29.214.222.100)	(191.542.337.439)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	5.681.790.519
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.500.000.000)	(1.189.768.117)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.900.000.000	53.847.137.270
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.468.011.847)	(20.796.620.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		18.750.000.000	91.710.180.200
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	37.160.844.596
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		467.766.053	(25.128.772.971)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.25	-	275.135.489.980
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		121.975.000.000	206.497.209.317
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(24.141.982.913)	(247.010.783.034)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(80.114.846.500)	(50.478.099.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		17.718.170.587	184.143.817.263
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(380.458.212.953)	303.141.385.558
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	463.299.096.059	160.157.710.501
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Ảnh hưởng do thanh lý công ty con				
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	82.840.883.106	463.299.096.059

Người lập biểu



Lê Trung Kiên

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 16 tháng 05 năm 2011

P. Tổng Giám đốc



Lê Thanh Tùng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 - Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nha, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa, bò thịt, chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

4. Công ty con

Đến thời điểm kết thúc niên độ tài chính được công bố ở đây Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn có 04 Công ty con. Tất cả các Công ty con đều được hợp nhất số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011. Danh sách các Công ty con, địa chỉ, quyền kiểm soát và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn như sau

Tên đơn vị	Địa chỉ	Quyền kiểm soát (%)	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ (%)
1. Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa	58,06	58,06
2. Công ty TNHH Lam Sơn-Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, Thọ Xuân, Thanh Hóa	100,00	100,00
3. Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa	78,00	78,00
4. Công ty TNHH TMDT & DL Lam Sơn	Số 6/34A Nguyễn Khoái - Phường Bạch Đằng - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.	100	100

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là năm tài chính thứ 12 của Công ty từ khi chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của tất cả các công ty con do công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

1.1 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Bảng cân đối kế toán của công ty mẹ và các công ty con theo từng khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục của Bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm:
 - + Các khoản đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số;
 - + Các khoản phải thu, phải trả nội bộ giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn;
 - + Các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - + Các khoản vốn góp liên doanh, liên kết điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

1.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và của các công ty con trong tập đoàn theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.
- Đối với những khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
 - + Doanh thu, giá vốn hàng bán, lãi, lỗ nội bộ tập đoàn;
 - + Lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - + Thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty mẹ và các công ty con.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản đầu tư vào Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1/2 tháng lương cho mỗi năm công tác tại công ty. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010: 18.932 VND/USD

31/03/2011: 20.703 VND/USD

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	542.562.924	935.119.234
Tiền gửi ngân hàng	32.298.320.182	12.793.296.825
Tiền đang chuyển		2.170.680.000
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	447.400.000.000
Cộng	<u>82.840.883.106</u>	<u>463.299.096.059</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	91.252.100.688	90.272.860.688
- Cổ phiếu	91.252.100.688	90.272.860.688
- Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu		
Đầu tư ngắn hạn khác	2.500.000.000	14.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống		14.000.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác – cho vay ngắn hạn	2.500.000.000	
Cộng	<u>93.752.100.688</u>	<u>104.272.860.688</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(48.497.921.288)	(43.495.434.688)

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền cho vay	2.180.800.000	2.180.800.000
Phải thu CBCNV tiền vay Ngân hàng công thương Thanh Hóa (Công ty bảo lãnh)	182.081.212	182.081.212
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.275.535.977	5.310.441.533
Các khoản phải thu khác	15.350.658.288	6.933.425.812
Cộng	<u>20.989.075.477</u>	<u>14.606.748.557</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	9.554.571.720	3.138.821.769
Nguyên liệu, vật liệu	59.577.435.254	40.209.155.383
Công cụ, dụng cụ	857.084.867	1.037.065.753
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.012.167.381	15.815.693.200
Thành phẩm	586.966.139.381	79.640.650.235

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa	37.710.454.198	9.579.451.231
Cộng	<u>709.677.852.801</u>	<u>149.420.837.571</u>

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thành phẩm	(179.709.414)	(179.709.414)
Cộng	<u>(179.709.414)</u>	<u>(179.709.414)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	<u>(179.709.414)</u>
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối kỳ	<u>(179.709.414)</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào CP SXKD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
CP kiểm tu	12.307.275.025		11.856.642.496		450.632.529
C cụ dụng cụ	91.355.530	43.359.089	91.700.522		43.014.097
CP điện lưới	504.544.164	2.269.696.261	2.755.484.766		18.755.659
Chi phí bảo hộ lao động	240.972.820		240.718.616		254.204
CP chuyển cơ cấu giống mía	147.105.400				147.105.400
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	10.307.429.816	1.516.344.556	10.985.396.994		838.377.378
Cộng	<u>23.598.682.755</u>	<u>3.829.399.906</u>	<u>25.929.943.394</u>		<u>1.498.139.267</u>

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng		

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.773.188.346	1.070.677.864
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	179.210.965.982	68.733.230.882
Tài sản thiếu chờ xử lý		
Tài sản ngắn hạn khác	10.371.723	39.930.423
Cộng	<u>180.994.526.051</u>	<u>69.843.839.169</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm tại ngày 01/01/2011	232.184.825.226	785.205.128.498	78.239.566.718	23.660.001.010	107.249.819	1.119.396.771.271
Tăng trong năm						
<i>Mua sắm mới</i>	<i>184.024.545</i>	<i>9.138.481.464</i>	<i>68.000.000</i>	<i>47.590.914</i>		<i>9.438.096.923</i>
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	<i>6.837.220.311</i>	<i>585.926.364</i>				<i>7.423.146.675</i>
<i>Phân loại lại</i>						
<i>Tăng khác</i>						
Giảm trong năm						
<i>Chuyển thành công cụ dụng cụ</i>						
<i>Thanh lý, nhượng bán và góp vốn đầu tư bằng tài sản</i>						
<i>Phân loại lại</i>						
<i>Giảm khác (giảm do thanh lý công ty con)</i>						
<i>Giảm khác</i>		<i>(1.191.150.079)</i>	<i>(84.454.545)</i>			<i>(1.275.604.624)</i>
Số cuối kỳ tại ngày 31/03/2011	239.206.070.082	793.738.386.247	78.223.112.173	23.707.591.924	107.249.819	1.134.982.410.245

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, TD	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm tại ngày 01/01/2011	156.513.358.835	684.264.265.314	48.663.949.896	19.071.067.487	63.626.421	908.576.267.953
Tăng trong năm						
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>3.622.887.805</i>	<i>12.767.392.237</i>	<i>3.477.629.101</i>	<i>363.919.902</i>	<i>2.969.233</i>	<i>20.234.798.278</i>
<i>Phân loại lại</i>			3	(3)		
<i>Khấu hao TSCĐ phúc lợi</i>	<i>215.393.426</i>					<i>215.393.426</i>
<i>Tăng khác</i>						
<i>Giảm trong năm</i>						
<i>Chuyển sang công cụ dụng cụ</i>						
<i>Thanh lý, nhượng bán và góp vốn đầu tư bằng tài sản</i>						
<i>Phân loại lại</i>			(9.305.860)			(9.305.860)
<i>Giảm khác (giảm do thanh lý công ty con)</i>						
Số cuối kỳ tại ngày 31/03/2011	160.351.640.066	697.022.351.694	52.141.578.994	19.434.987.389	66.595.654	929.017.153.797
Giá trị còn lại						
Số đầu năm tại ngày 01/01/2011	75.671.466.391	100.940.863.184	29.575.616.822	4.588.933.523	43.623.398	210.820.503.318
Số cuối kỳ tại ngày 31/03/2011	78.854.430.016	96.716.034.553	26.081.533.179	4.272.604.535	40.654.165	205.965.256.448

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm 01/01/2011	745.878.600		5.446.471.321	6.192.349.921
Tăng do mua sắm mới			122.850.000	122.850.000
XDCB hoàn thành				
Thanh lý nhượng bán				
Giảm do thanh lý công ty con				
Số cuối kỳ 31/03/2011	745.878.600		5.569.321.321	6.315.199.921
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm 01/01/2011	111.881.801		4.364.277.080	4.476.158.881
Khấu hao trong năm	9.323.484		312.341.835	321.665.319
Thanh lý, nhượng bán				
Giảm do thanh lý công ty con				
Số cuối kỳ 31/03/2011	121.205.285		4.676.618.915	4.797.824.200
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	633.996.799		1.082.194.241	1.716.191.040
Số cuối kỳ	624.673.315		892.702.406	1.517.375.721

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm					
TSCĐ	3.602.143.000	609.178.822	585.926.364	3.625.395.458	
XDCB dở dang	17.729.684.563	19.044.096.355		6.837.220.311	29.936.560.607
<i>Công trình kho đường số 5</i>	<i>34.300.000</i>	<i>6.802.920.311</i>		<i>6.837.220.311</i>	
<i>Dự án 02 bể mật rỉ 6.000m³</i>	<i>11.208.000</i>				<i>11.208.000</i>
<i>DA SD bả mía sau sx đường làm nhiên liệu phát điện</i>	<i>52.380.952</i>	<i>13.180.000</i>			<i>65.560.952</i>
<i>Dự án VP không giấy- eOffice</i>	<i>105.323.636</i>				<i>105.323.636</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
<i>Dự án Khu du lịch sinh thái Linh Sơn</i>	474.498.900	1.514.885.144			1.989.384.044
<i>Dự án khách sạn Lam Sơn</i>	1.747.674.436	647.411.610			2.395.086.046
<i>Nâng cấp hai nhà máy đường</i>	11.504.701.874	6.197.310.250			17.702.012.124
<i>Dự án dịch hèm cô đặc</i>	510.654.400				510.654.400
<i>Dự án TTTM 25A</i>	82.727.273				82.727.273
<i>Hệ thống tưới ngầm (Netafim-Israel)</i>		186.534.968			186.534.968
<i>Văn phòng LSSV</i>	3.005.286.713	398.262.083			3.403.548.796
<i>Các công trình khác</i>	200.928.379	3.283.591.989			3.484.520.368
Cộng	21.331.827.563	19.653.275.177	585.926.364	10.462.615.769	29.936.560.607

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại ngày 31/03/2011
		Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ phần biểu quyết năm giữ %	
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hoá	25A Quang Trung- TP Thanh Hóa	32,20%	39,01%	4.620.730.730
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điện	36-38 Lạc Chính- Ba Đình- Hà Nội	30,71%	38,39%	18.030.270.781
Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn	Xã Vạn Thắng- Nông Cống- Thanh Hóa	42,24%	49,67%	5.848.038.149
Công ty Cổ phần Đầu tư TM Lam Sơn	253 Trần Phú- TP Thanh Hóa	19,80%	19,80%	11.633.976.914
Cộng				40.133.016.574

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**14. Đầu tư dài hạn khác**

		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư trái phiếu			
Cho vay dài hạn		14.118.400.000	15.018.400.000
<i>Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn</i>		4.418.400.000	4.418.400.000
<i>Công ty Cổ phần CG NN Lam Sơn</i>			
<i>Công ty Cổ phần ĐTTM Lam Sơn</i>		6.600.000.000	6.600.000.000
<i>Công ty Cổ phần vận tải Lam Sơn</i>		3.100.000.000	4.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác - góp vốn cổ phần	SL CP	59.439.690.862	70.363.286.062
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn</i>	190.000	1.900.000.000	1.900.000.000
<i>Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn TT</i>			
<i>Trường Lam Kinh</i>		4.097.690.862	3.771.286.062
<i>Công ty Cổ phần MĐ Sơn La</i>			11.250.000.000
<i>Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông</i>	2.314.200	23.142.000.000	23.142.000.000
<i>Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Tiger Fund</i>	3.000.000	30.300.000.000	30.300.000.000
<i>Khác</i>			
Cộng		73.558.090.862	85.381.686.062

15. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư dài hạn	(12.307.349.210)	(12.307.349.210)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ dụng cụ	159.588.965		32.941.100		126.647.865
Chi phí thuê đất	1.633.057.746	854.856.000	15.638.993		2.472.274.753
Chi phí thuê kho					
Chi phí khác	5.620.156.917		1.148.170.657		4.471.986.260
Cộng	7.412.803.628	854.856.000	1.196.750.750		7.070.908.878

17. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	143.880.450.000	45.374.750.000
- <i>Ngân hàng Công thương VN – CN Thanh Hóa</i>	18.686.700.000	18.686.700.000
- <i>Ngân hàng NN PTNT VN – CN Lam Sơn</i>	2.400.000.000	1.063.050.000
- <i>Ngân hàng TMCP ANZ – Hà Nội</i>	69.400.000.000	
- <i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT – CN Thanh Hóa</i>	53.393.750.000	25.625.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	6.000.000.000	1.000.000.000
- <i>Công ty Cao su Thanh Hóa</i>		
- <i>Các đối tượng khác</i>	6.000.000.000	1.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2011	7.178.193.228	12.850.876.141
Cộng	157.058.643.228	59.225.626.141

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Số đầu năm	59.225.626.141
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	121.975.000.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	
Tăng khác	
Số tiền vay đã trả trong kỳ	24.141.982.913
Giảm khác	
Số cuối kỳ	157.058.643.228

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.839.555.584	11.925.148.343	16.743.737.255	6.020.966.672
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		1.021.485.000	1.021.485.000	
Thuế xuất, nhập khẩu		395.000	395.000	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.233.354.048	33.305.072.842	26.906.207.023	49.632.219.867
Thuế thu nhập cá nhân	77.696.249	29.161.711		106.857.960
Thuế tài nguyên	24.867.400			24.867.400
Tiền thuê đất				
Các loại thuế khác, phí	18.768.000	3.000.000	8.000.000	13.768.000
Cộng	54.194.241.281	46.284.262.896	44.679.824.278	55.798.679.899

Trong đó	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Số phải nộp	54.194.241.281	55.798.679.899
Số nộp thừa		
Cộng	54.194.241.281	55.798.679.899

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng:

Đường, mật ri, phân bón	5%
Cồn	10%
Dịch vụ cho thuê kho bãi, khách sạn	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	2.799.194.519	433.542.042
Cước vận chuyển	542.088.376	253.462.166
Chi phí khuyến mại	374.657.400	170.000.000
Chi phí thuê kho, thuê đất		
Tiền mua mía và các chi phí liên quan	4.431.129.533	
Tiền điện, nước, điện thoại phải trả	376.556.886	126.808.746
Chi phí hợp đồng bảo vệ vụ ép	2.193.119.649	
Chi phí sửa chữa đường giao thông	90.477.918	90.477.918
Chi phí dịch vụ tư vấn, kiểm toán		
Các khoản khác	4.175.472.867	1.653.442.587
Cộng	<u>14.982.697.148</u>	<u>2.727.733.459</u>

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Bảo hiểm xã hội	4.070.053.571	443.268.042
Kinh phí công đoàn	1.938.697.130	1.444.858.036
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.977.210.000	239.390.000
Bảo hiểm xã hội trợ cấp cho người lao động		
Các khoản CBCNV đóng góp		
Các khoản phải trả khác	41.104.792.853	17.546.691.801
Cộng	<u>49.090.753.554</u>	<u>19.674.207.879</u>

21. Nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	-------------------	-------------------

22. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	5.097.925.000	5.097.925.000
- Ngân hàng Sacombank CN Thanh Hóa	3.250.000.000	3.250.000.000
- Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa	1.847.925.000	1.847.925.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	844.186.391	844.186.391
Cộng	<u>5.942.111.391</u>	<u>5.942.111.391</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	5.942.111.391
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	
Tăng khác (chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm)	
Số tiền vay đã trả trong kỳ	
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	
Giảm khác	
Số cuối kỳ	5.942.111.391
<hr/>	
23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	
Số đầu năm	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	
Số cuối kỳ	-
<hr/>	
24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	
Số đầu năm	1.654.594.776
Số trích lập trong kỳ	183.340.712
Số chi trong kỳ	(41.737.750)
Giảm khác	
Số cuối kỳ	1.796.197.738
<hr/>	

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**25. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận sau thuế
Số đầu năm trước	300.000.000.000	114.994.917.000	(9.703.995.196)	(280.763.897)	111.893.296.513	19.457.219.895	177.486.882	135.099.523.294
Cổ đông góp vốn	100.000.000.000	157.480.000.000						
<i>Trong đó - bằng tiền</i>	<i>100.000.000.000</i>	<i>157.480.000.000</i>						
<i>- cổ tức</i>								
Lợi nhuận năm trước								301.471.039.316
Trích lập các quỹ trong năm trước					15.512.976.902	7.766.770.523	99.264.581	(40.562.827.140)
Thuế TNDN được miễn giảm tăng Quỹ đầu tư phát triển								
Chia cổ tức năm trước								(50.478.099.000)
Lợi ích cổ đông thiểu số					9.797.187	2.766.656		(1.934.015.885)
Điều chỉnh các khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ					412.865.040	(17.752.533)	14.778.995	
Mua bán lại CP quỹ		7.951.494.784	9.598.395.196					
Chia thưởng CBCNV								(8.341.256.620)
Các khoản khác				280.763.897				(49.539.674)
Số dư cuối năm trước	400.000.000.000	280.426.411.784	(105.600.000)	-	127.828.935.642	27.209.004.541	291.530.458	335.204.824.291

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận sau thuế
Số dư đầu năm nay	400.000.000.000	280.426.411.784	(105.600.000)	-	127.828.935.642	27.209.004.541	291.530.458	335.204.824.291
Cổ đông góp vốn								
<i>Trong đó - bằng tiền</i>								
<i>- cổ tức</i>								
Lợi nhuận trong kỳ								95.247.455.320
Trích lập các quỹ trong kỳ					334.456.230			(1.151.705.510)
Thuế TNDN được miễn giảm để tăng Quỹ đầu tư phát triển								
Loại trừ vốn góp vào các C ty con đã chuyển sang Cty liên kết								
Lợi ích CĐ thiểu số					(262.499.236)	(54.160.525)		(167.375.442)
Điều chỉnh các khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ					(374.819.631)	48.131.591		2.704.248.696
Lợi nhuận các năm trước								
Chia cổ tức trong kỳ								(80.114.846.500)
Chia thưởng CBCNV								(10.928.348.141)
Mua bán lại CP quỹ								
Các khoản khác								923.571.650
Số dư cuối kỳ này	400.000.000.000	280.426.411.784	(105.600.000)	-	127.526.073.005	27.202.975.607	291.530.458	341.717.824.364

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	400.000.000.000	400.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	280.426.411.784	280.426.411.784
Cổ phiếu quỹ	(105.600.000)	(105.600.000)
Cộng	680.320.811.784	680.320.811.784

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước ^(a)	80.114.846.500
<i>Trong đó - Trả bằng tiền ^(b)</i>	<i>78.022.790.000</i>
- Trả bằng cổ phiếu ^(c)	
- Bù trừ công nợ phải thu ^(c)	
- Số còn phải trả ^(d)	2.092.056.500

Cổ tức trong kỳ

<i>Trong đó - Trả bằng tiền ^(b)</i>	
- Trả bằng cổ phiếu ^(c)	
- Bù trừ công nợ phải thu ^(d)	
- Thu lại để chi trong kỳ ^(e)	
- Số còn phải trả ^(f)	

Số đã trả bằng tiền ^{(b) + (b)-(e)}

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	40.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	40.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Quỹ phát triển khoa học công nghệ được trích lập dùng để đầu tư cho phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ tại doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	662.004.065	575.652.755		72.055.000		1.165.601.820
Quỹ phúc lợi	17.619.024.037			1.432.290.435	215.393.426	15.971.340.176
Cộng	18.281.028.102	575.652.755		1.504.345.435	215.393.426	17.136.941.996

27. Nguồn kinh phí

Số đầu năm	3.469.907.114
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	
Chi sự nghiệp	
Giảm khác	
Số cuối kỳ	3.469.907.114

28. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	545.109.914
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	
Khấu hao trong năm	(48.248.451)
Giảm khác	
Số cuối kỳ	496.861.463

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu**

	Quý 1/2011	Quý 1/2010
Tổng doanh thu	438.743.529.941	320.093.452.521
- Doanh thu bán hàng hóa	35.922.320.779	2.223.486.178
- Doanh thu bán thành phẩm	392.879.324.029	309.141.096.998
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.637.222.856	8.728.869.345
- Doanh thu hoạt động khác	304.662.277	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(17.850.000)	
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại	(17.850.000)	
Doanh thu thuần	438.725.679.941	320.093.452.521

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Quý 1/2011	Quý 1/2010
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	35.922.320.779	2.223.486.178
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	392.879.324.029	309.141.096.998
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	9.637.222.856	8.728.869.345
- Doanh thu thuần khác	304.662.277	
2. Giá vốn hàng bán		
	Quý 1/2011	Quý 1/2010
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	35.288.919.985	2.252.273.162
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	245.147.672.063	195.160.814.070
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.061.744.343	7.828.198.642
Giá vốn khác	313.188.932	
Cộng	288.811.525.323	205.241.285.874
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Quý 1/2011	Quý 1/2010
Lãi tiền gửi	7.475.819.303	3.692.128.985
Lãi tiền cho vay	627.646.623	675.327.252
Lãi t lý các khoản ĐT dài hạn khác	7.500.000.000	
Lãi bán hàng trả chậm		1.580.971.801
Thu nhập từ các khoản khác		172.767.516
Hoàn nhập DP tài chính		
Cộng	15.603.465.926	6.121.195.554
4. Chi phí tài chính		
	Quý 1/2011	Quý 1/2010
Chi phí lãi vay	4.367.800.360	2.347.062.873
Lãi mua hàng trả chậm		138.471.300
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		44.610.326
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		454.337.285
DP giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.363.803.650	1.386.082.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Quý 1/2011	Quý 1/2010
Các khoản khác		
Cộng	5.731.604.010	4.370.563.784
5. Chi phí bán hàng		
	Quý 1/2011	Quý 1/2010
Chi phí nhân viên	2.025.735.886	2.104.571.433
Chi phí vật liệu, bao bì	480.000	11.120.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	93.648.500	228.750.950
Chi phí khấu hao TSCĐ	279.144.753	304.556.942
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.832.019.538	2.725.860.784
Chi phí bằng tiền khác	779.487.744	586.472.233
Cộng	5.010.516.421	5.961.332.342
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Quý 1/2011	Quý 1/2010
Chi phí nhân viên quản lý	5.576.907.549	5.298.452.158
Chi phí vật liệu quản lý	163.555.314	97.589.392
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.283.628.304	280.353.139
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.375.758.927	1.269.923.769
Thuế, phí và lệ phí	133.056.316	166.804.869
Chi phí dự phòng	1.192.202.007	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	675.063.681	593.748.537
Quỹ đầu tư phát triển KH	14.686.999.522	10.106.141.260
Chi phí bằng tiền khác	2.184.936.650	1.543.520.891
Cộng	27.272.108.270	19.356.534.015
7. Thu nhập khác		
	Quý 1/2011	Quý 1/2010
Thu từ bán vật tư, phế liệu	4.736.364	131.868.182
Tiền phạt vi phạm hợp đồng		
Các khoản thuế được hoàn	23.881.322	
Các khoản khác	29.818.856	22.329.886
Cộng	58.436.542	154.198.068
8. Chi phí khác		
	Quý 1/2011	Quý 1/2010
Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, t lý		62.296.558
CP t lý vật tư, phế liệu	131.815.317	
Các khoản khác	87.087.052	953.408
Cộng	218.902.369	63.249.966

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

9. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(2.144.036.400)	0
Cộng	(2.144.036.400)	0

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Quý 1/2011</u>	<u>Quý 1/2010</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	95.080.079.878	68.129.360.483
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	95.080.079.878	68.129.360.483
Số lượng cổ phiếu phát hành	40.000.000	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân	40.000.000	29.509.470
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>40.000.000</i>	<i>29.509.470</i>
Lãi trên cổ phiếu	2.377	2.309

VIII. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>ĐV</u>	<u>31/03/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	80,38	76,49
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	19,62	23,51
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	34,47	23,19
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	64,79	75,80
Lợi ích cổ đông thiểu số/ Tổng nguồn vốn	%	0,74	1,01
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,90	4,31
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,68	4,05
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,15	1,58
		<u>Quý 1 - 2011</u>	<u>Quý 1 - 2010</u>
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	28,81	28,41
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	21,71	21,28

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản**

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	6,93	5,87
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	5,23	4,40

**Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của Công ty/
trên Vốn chủ sở hữu**

%	8,08	5,81
---	------	------

Lập ngày 16 tháng 05 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

P. Tổng Giám đốc



Lê Trung Kiên

Lê Thị Huệ

Lê Thanh Tùng